

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân & gia đình sơ thẩm thụ lý số 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị H; sinh năm: 1997.

Địa chỉ: Thôn HRL, xã SM, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi;

- Bị đơn: Anh Đinh Văn H1; sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Thôn HRL, xã SM, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: NHCSXH

Địa chỉ: 169 Phố LD, P. HL, Q. HM, Tp Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh T1 - Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi, theo văn bản ủy quyền số 4716 ngày 25/11/2016.

Ông Trần Minh T1 đã ủy quyền lại cho Ông Trần Văn L là Tổ trưởng tổ tín dụng NHCSXH – Phòng giao dịch huyện ST tham gia tố tụng theo văn bản ngày 18 tháng 9 năm 2019.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11/10/2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11/10/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị H, sinh năm: 1997;
Địa chỉ: Thôn HRL, xã SM, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị đơn: Anh Đinh Văn H1, sinh năm: 1988;
Địa chỉ: Thôn HRL, xã SM, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân*: Chị Đinh Thị H và anh Đinh Văn H1 thuận tình ly hôn với nhau.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Chị Đinh Thị H và anh Đinh Văn H1 thỏa thuận: Chị H sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- *Về nợ vay chung*: Chị Đinh Thị H, anh Đinh Văn H1 và NHCSXH – phòng giao dịch huyện ST thỏa thuận:

+ Chị H sẽ có nghĩa vụ trả cho NHCSXH – PGD huyện ST số tiền là 7.000.000 đồng (*trên tổng số tiền vay là 45.000.000 đồng*);

+ Anh H1 sẽ có nghĩa vụ trả cho NHCSXH – PGD huyện ST số tiền là 38.000.000 đồng (*trên tổng số tiền vay 45.000.000 đồng*); tiền lãi món vay 45.000.000 đồng từ tháng 7 đến nay chưa trả anh H1 sẽ chịu trách nhiệm trả và sau khi thỏa thuận tách nợ vay xong, mỗi người sẽ chịu khoản tiền lãi tương ứng số tiền vay đã thỏa thuận chia tách.

Việc trả nợ của anh H1, chị H được thực hiện kể từ ngày 21/10/2019.

- *Về án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm*: Chị Đinh Thị H thỏa thuận chịu nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

+ Chị Đinh Thị H phải chịu số tiền án phí dân sự là 175.000 đồng tương ứng với số tiền vay mà chị H phải thực hiện trả nợ cho NHCSXH – phòng giao dịch huyện ST.

+ Anh Đinh Văn H1 phải chịu số tiền án phí dân sự 950.000 đồng tương ứng với số tiền vay mà anh H1 phải thực hiện trả nợ cho NHCSXH- Phòng giao dịch huyện ST.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội “*Về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*” chị Đinh Thị H được miễn toàn bộ tiền án phí nêu trên. Chi cục thi hành án dân sự huyện ST hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0004964 ngày 03/9/2019 cho chị Đinh Thị H.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự (3);
- VKSND h ST (2);
- UBND xã SM (1);
- TAND tỉnh Quảng Ngãi (1);
- Chi cục THADS h ST (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

THẨM PHÁN

(Đã Ký)

Lâm Thị Ánh Tuyết

